

Số: 64/2020/QĐST - HNGĐ

Long Hồ, ngày 12 tháng 3 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ số: 78/2020/TLST/HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1963.

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1957.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đoàn Thị N và ông Phạm Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thị Hoàng O sinh ngày 14/02/1985 và Phạm Hoàng Nhật H sinh ngày 01/9/1990, đã trưởng thành nên bà Đoàn Thị N và ông Phạm Văn H không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và khoản nợ phải thu, phải trả: Bà Đoàn Thị N và ông Phạm Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Đoàn Thị N phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005538 ngày 21/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ. Hoàn trả cho bà Đoàn Thị N số tiền còn lại là 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Ông Phạm Văn H không phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm vì ông H có đơn xin miễn án phí và thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Bé Tư